

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-22

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Chủ tịch
Ông Đặng Hoài Giang	Thành viên
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Duy An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/5/2016)
Bà Mạch Thị Tố Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Lê Hữu Chí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Ngô Minh Thuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Đới Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)

**Ban Giám đốc**

Ông Đới Thanh Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**ĐỚI THANH HẢI**  
Giám đốc

Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017



SỐ: 043 /VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 258/2016/BCKT-HCM.00462 ngày 21 tháng 3 năm 2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Giám đốc chi nhánh  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017

A blue ink signature of Nguyễn Ngọc Thạch.

**Nguyễn Ngọc Thạch**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2014-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>108.192.911.873</b>	<b>107.563.893.809</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>25.830.581.303</b>	<b>97.960.109.610</b>
1. Tiền	111		2.330.581.303	4.652.333.829
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	93.307.775.781
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71.817.858.342</b>	<b>9.351.906.282</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	35.598.291.543	7.848.106.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	35.714.553.111	1.517.802.116
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	505.013.688	62.402.288
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(76.404.330)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>15.445.982</b>	<b>4.968.672</b>
1. Hàng tồn kho	141		15.445.982	4.968.672
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.529.026.246</b>	<b>246.909.245</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.612.851	66.869.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.479.413.395	180.039.246
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>182.719.164.476</b>	<b>62.758.981.830</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.929.863.411</b>	<b>62.758.981.830</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	58.929.863.411	62.758.981.830
- Nguyên giá	222		81.459.126.688	81.137.340.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.529.263.277)	(18.378.358.418)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>123.789.301.065</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	123.789.301.065	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>290.912.076.349</b>	<b>170.322.875.639</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>119.677.282.300</b>	<b>10.231.206.815</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.445.807.586</b>	<b>10.231.206.815</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	14.368.500.047	9.288.778.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	138.217.509	320.383.577
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.625.840.754	26.540.369
4. Phải trả người lao động	314		1.850.372.448	378.347.786
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	118.815.144	17.500.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	15.265.304.964	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		78.756.720	199.656.720
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>85.231.474.714</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	85.231.474.714	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>171.234.794.049</b>	<b>160.091.668.824</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>171.234.794.049</b>	<b>160.091.668.824</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.000.000.000	161.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.985.600.327	1.995.410.146
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.249.193.722	(2.903.741.322)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.903.741.322)	(5.947.188.143)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.152.935.044	3.043.446.821
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>290.912.076.349</b>	<b>170.322.875.639</b>

  
 Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Hậu  
 Kế toán trưởng

  
 Đới Thanh Hải  
 Giám đốc



Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	52.753.205.551	24.252.860.191
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.753.205.551	24.252.860.191
3. Giá vốn hàng bán	11	19	39.720.440.267	21.489.922.331
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		13.032.765.284	2.762.937.860
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.151.964.122	1.595.165.806
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.439.247.640	1.310.235.096
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)	30		13.745.481.766	3.047.868.570
8. Thu nhập khác	31		19.726.718	578.254
9. Chi phí khác	32		47.016	5.000.003
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.679.702	(4.421.749)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.765.161.468	3.043.446.821
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.612.226.424	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		11.152.935.044	3.043.446.821
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	652	189

Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu  
Kế toán trưởng




Đới Thanh Hải  
Giám đốc

Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay VND	Năm trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.765.161.468	3.043.446.821
2. Điều chỉnh cho các khoản		922.536.407	2.580.597.551
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.150.904.859	4.097.273.784
- Các khoản dự phòng	03	(76.404.330)	76.404.330
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.773.324)	(3.430.847)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.150.190.798)	(1.589.649.716)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.687.697.875	5.624.044.372
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(39.148.024.620)	(6.958.135.527)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.477.310)	1.893.881
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.457.969.383	2.555.879.951
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	17.257.148	60.400.048
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.615.258.263)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(130.709.819)	(83.506.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(19.741.545.606)</b>	<b>1.200.576.725</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(156.034.953.177)	(1.517.802.116)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.150.190.798	1.589.649.716
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(152.884.762.379)</b>	<b>71.847.600</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	75.649.810.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	100.496.779.678	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>100.496.779.678</b>	<b>75.649.810.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(72.129.528.307)</b>	<b>76.922.234.325</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>97.960.109.610</b>	<b>21.037.875.285</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)</b>	70	<b>25.830.581.303</b>	<b>97.960.109.610</b>

  
 Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
 Người lập biểu

Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017

  
 Nguyễn Văn Hậu  
 Kế toán trưởng

  
 Đới Thanh Hải  
 Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0309444635 ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 24 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần, lấy mẫu, cân hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa, nâng hạ container, lưu kho bãi, thu cảng phí, ...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu khách hàng.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và các khoản nhận ký quỹ.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	06
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản khác	05

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	984.913.500	355.218.600
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.345.667.803	4.297.115.229
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	23.500.000.000	93.307.775.781
<b>Cộng</b>	<b><u>25.830.581.303</u></b>	<b><u>97.960.109.610</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b><u>1.173.336.048</u></b>	<b><u>2.314.809.208</u></b>
Công ty CP Đá An Hưng	-	1.020.428.278
Phải thu khách hàng khác	1.173.336.048	1.294.380.930
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b><u>34.424.955.495</u></b>	<b><u>5.533.297.000</u></b>
Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn	34.424.955.495	5.533.297.000
<b>Cộng</b>	<b><u>35.598.291.543</u></b>	<b><u>7.848.106.208</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b><u>35.714.553.111</u></b>	<b><u>1.517.802.116</u></b>
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Thiết kế số Một	-	1.517.802.116
Công ty Cổ phần Beton 6	17.299.978.256	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Trường Thành	5.076.263.102	-
Công ty CP TNHH Xây dựng Trường Xuân	3.084.468.000	-
Công ty TNHH TM và DV PCCC Tân Cảng	2.507.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Vân tài Số Chín	6.151.816.693	-
Trả trước cho người bán khác	1.595.027.060	-
<b>Cộng</b>	<b><u>35.714.553.111</u></b>	<b><u>1.517.802.116</u></b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	505.013.688	62.402.288
<b>Cộng</b>	<b><u>505.013.688</u></b>	<b><u>62.402.288</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.445.982	-	4.968.672	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.445.982</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.968.672</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	-	75.221.027.313	5.916.312.935	-	81.137.340.248
- Mua trong năm	226.331.895	-	-	95.454.545	321.786.440
Số cuối năm	226.331.895	75.221.027.313	5.916.312.935	95.454.545	81.459.126.688
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	-	13.909.259.333	4.469.099.085	-	18.378.358.418
- Khấu hao trong năm	37.721.985	3.763.301.364	333.972.420	15.909.090	4.150.904.859
Số cuối năm	37.721.985	17.672.560.697	4.803.071.505	15.909.090	22.529.263.277
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	-	61.311.767.980	1.447.213.850	-	62.758.981.830
Số cuối năm	188.609.910	57.548.466.616	1.113.241.430	79.545.455	58.929.863.411

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 0 VND (Tại ngày 31/12/2015 là 0 VND).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư xây dựng nâng cấp cảng Tân Cảng Phú Hữu.

Công ty đã thế chấp toàn bộ công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 123.789.301.065 VND để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng. Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 1.615.258.263 VND.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	295.746.900	295.746.900	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.612.226.424	-	2.612.226.424
Thuế thu nhập cá nhân	26.540.369	13.614.330	26.540.369	13.614.330
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	26.540.369	2.924.587.654	325.287.269	2.625.840.754

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.145.581.547</b>	<b>8.145.581.547</b>	<b>1.468.896.441</b>	<b>1.468.896.441</b>
Công ty CP TM XD và VT An Gia	-	-	170.521.249	170.521.249
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	-	1.286.329.192	1.286.329.192
Công ty TNHH Sài Gòn Container Phú Hữu	3.235.759.689	3.235.759.689	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TM DV Vận tải & CN Quang Minh	1.159.950.000	1.159.950.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xây dựng Vinalink	1.211.100.000	1.211.100.000	-	-
Các đối tượng khác	2.538.771.858	2.538.771.858	12.046.000	12.046.000
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>6.222.918.500</b>	<b>6.222.918.500</b>	<b>7.819.881.922</b>	<b>7.819.881.922</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	5.753.000.000	5.753.000.000	7.813.988.922	7.813.988.922
Công ty TNHH Container Sài Gòn	469.918.500	469.918.500	-	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-	5.893.000	5.893.000
<b>Cộng</b>	<b>14.368.500.047</b>	<b>14.368.500.047</b>	<b>9.288.778.363</b>	<b>9.288.778.363</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Phước Sơn	107.183.200	107.183.200
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	-	167.860.000
Đối tượng khác	31.034.309	45.340.377
<b>Cộng</b>	<b>138.217.509</b>	<b>320.383.577</b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>118.815.144</b>	<b>17.500.000</b>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	3.815.144	-
Nhận ký quỹ, ký cược	60.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.000.000	17.500.000
<b>Cộng</b>	<b>118.815.144</b>	<b>17.500.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Khu phố 4, Phường Phú Hữu,  
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>15.265.304.964</b>	<b>15.265.304.964</b>	<b>15.265.304.964</b>	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (i)	15.265.304.964	15.265.304.964	15.265.304.964	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>85.231.474.714</b>	<b>85.231.474.714</b>	<b>100.496.779.678</b>	<b>15.265.304.964</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đông Sài Gòn (i)	85.231.474.714	85.231.474.714	100.496.779.678	15.265.304.964	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.496.779.678</b>	<b>100.496.779.678</b>	<b>115.762.084.642</b>	<b>15.265.304.964</b>	-	-

- (i) Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng vay số 4534.16.112.2368836 ngày 21 tháng 7 năm 2016, tổng hạn mức vay là 265.000.000.000 đồng, được dùng để thực hiện Dự án Đầu tư nâng cấp cảng Tân Cảng Phú Hữu tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM. Thời hạn vay tối đa 84 tháng (tương đương 7 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án đầu tư nâng cấp Tân Cảng Phú Hữu theo hợp đồng thế chấp số 4535.16.112.2368836.BĐ ngày 21 tháng 7 năm 2016 với tỷ lệ tài trợ 75% giá trị định giá (xem thuyết minh số 11).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.265.304.964	-
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	61.061.219.856	-
Sau năm năm	24.170.254.858	-
	<b>100.496.779.678</b>	<b>-</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	15.265.304.964	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>85.231.474.714</b>	<b>-</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận chưa</u>	<u>Cộng</u>
	chủ sở hữu	phát triển	phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	85.350.190.000	1.995.410.146	(5.947.188.143)	81.398.412.003
Tăng vốn trong năm	75.649.810.000	-	-	75.649.810.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	3.043.446.821	3.043.446.821
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>1.995.410.146</b>	<b>(2.903.741.322)</b>	<b>160.091.668.824</b>
Lợi nhuận năm nay	-	-	11.152.935.044	11.152.935.044
Giảm khác (*)	-	(9.809.819)	-	(9.809.819)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>1.985.600.327</b>	<b>8.249.193.722</b>	<b>171.234.794.049</b>

(\*) Đây là khoản điều chỉnh giảm liên quan đến khoản phạt chậm nộp và truy thu thuế năm 2012.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009, giấy phép điều chỉnh lần thứ 6 ngày 04 tháng 5 năm 2015, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp	
				<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Số cổ phiếu	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	7.269.200	72.692.000.000	45,15%	72.692.000.000	72.692.000.000
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	5.815.400	58.154.000.000	36,12%	58.154.000.000	58.154.000.000
Công ty TNHH Container Sài Gòn	1.749.581	17.495.810.000	10,87%	17.495.810.000	17.495.810.000
Các cổ đông khác	1.265.819	12.658.190.000	7,86%	12.658.190.000	12.658.190.000
<b>Cộng</b>	<b>16.100.000</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>161.000.000.000</b>	<b>161.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/Cổ phiếu.

**18. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.219.901.765	18.650.956.371
Doanh thu đối với bên liên quan	43.533.303.786	5.601.903.820
<i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	43.533.303.786	5.601.903.820
<i>Cộng</i>	<u><u>52.753.205.551</u></u>	<u><u>24.252.860.191</u></u>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39.720.440.267	21.489.922.331
<i>Cộng</i>	<u><u>39.720.440.267</u></u>	<u><u>21.489.922.331</u></u>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.784.313.786	608.139.939
Chi phí nhân công	6.507.838.398	2.002.169.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.150.904.859	4.097.273.784
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.715.210.779	15.819.947.381
Chi phí khác	1.001.420.085	272.626.469
<i>Cộng</i>	<u><u>42.159.687.907</u></u>	<u><u>22.800.157.427</u></u>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.150.190.798	1.589.649.716
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.773.324	5.516.090
<i>Cộng</i>	<u><u>3.151.964.122</u></u>	<u><u>1.595.165.806</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	236.544.957	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.277.733.206	455.578.106
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.721.985	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.773.207	419.691.465
Chi phí dự phòng	(76.404.330)	76.404.330
Các khoản chi phí khác	610.878.615	355.561.195
<b>Cộng</b>	<b><u>2.439.247.640</u></b>	<b><u>1.310.235.096</u></b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.765.161.468</b>	<b>3.043.446.821</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(704.029.349)</b>	<b>(3.043.446.821)</b>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh</i>	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	-	-
<i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(704.029.349)	(3.043.446.821)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>13.061.132.119</u></b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>2.612.226.424</u></b>	<b>-</b>

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.152.935.044	3.043.446.821
Điều chỉnh: trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	659.935.498	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>10.492.999.546</u></b>	<b><u>3.043.446.821</u></b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.100.000	16.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>652</u></b>	<b><u>189</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐCĐ/15 ngày 19 tháng 5 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	10.000.000.000	5.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.000.000.000	10.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	200.000.000.000	170.000.000.000
Sau năm năm	1.900.217.687.500	1.950.217.687.500
<b>Cộng</b>	<b><u>2.120.217.687.500</u></b>	<b><u>2.130.217.687.500</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng cảng biển theo hợp đồng số 01/HĐ/TCPH ngày 2/5/2015 ký với Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé, với thời hạn thuê 30 năm bắt đầu từ tháng 7/2015. Giá thuê tài sản được phân theo từng giai đoạn như sau:

- 02 năm đầu tiên: 10.000.000.000 đồng/ năm;
- 02 năm tiếp theo: 20.000.000.000 đồng/năm;
- 05 tiếp theo (từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 8): 50.000.000.000 đồng/ năm;
- 05 tiếp theo (từ năm thứ 9 đến hết năm thứ 13): 65.000.000.000 đồng/ năm;
- Từ năm thứ 14 đến hết thời hạn hợp đồng thì cứ mỗi giai đoạn 05 năm sẽ tăng 15% so với giai đoạn liền kề trước.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	100.496.779.678	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	25.830.581.303	97.960.109.610
Nợ thuần	74.666.198.375	-
Vốn chủ sở hữu	171.234.794.049	160.091.668.824
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,44</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.830.581.303	-	-	25.830.581.303
Phải thu khách hàng	35.598.291.543	-	-	35.598.291.543
<b>Tổng cộng</b>	<b>61.428.872.846</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>61.428.872.846</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>				
Các khoản vay	15.265.304.964	61.061.219.856	24.170.254.858	100.496.779.678
Phải trả người bán và phải trả khác	14.423.500.047	-	-	14.423.500.047
Nhận ký quỹ, Ký cược	60.000.000	-	-	60.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.748.805.011</b>	<b>61.061.219.856</b>	<b>24.170.254.858</b>	<b>114.980.279.725</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>31.680.067.835</b>	<b>(61.061.219.856)</b>	<b>(24.170.254.858)</b>	<b>(53.551.406.879)</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.960.109.610	-	-	97.960.109.610
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.771.701.878	-	-	7.771.701.878
<b>Tổng cộng</b>	<b>105.731.811.488</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>105.731.811.488</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.306.278.363	-	-	9.306.278.363
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.306.278.363</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.306.278.363</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>96.425.533.125</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>96.425.533.125</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé  
 Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn  
 Công ty TNHH Container Sài Gòn  
 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông góp vốn  
 Cổ đông góp vốn  
 Cổ đông góp vốn và có cùng thành  
 viên chủ chốt  
 Quản lý chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 13 và 11, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé</b>		
Chi phí thuê xe đầu kéo	1.150.000.000	-
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	10.000.000.000	5.000.000.000
Chi phí hợp tác kinh doanh	-	2.103.626.293
<b>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.533.303.786	5.601.903.820
Chi phí cung cấp nước uống	25.292.727	5.357.273
<b>Công ty TNHH Container Sài Gòn</b>		
Phí dịch vụ xếp dỡ	469.918.500	-

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>
	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	530.695.838
	<u><u>530.695.838</u></u>

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của báo cáo năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.517.802.116	1.517.802.116
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.517.802.116	(1.517.802.116)	-

Số liệu phân loại lại là các khoản ứng trước cho nhà thầu thi công các công trình cho Công ty.



Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu  
Kê toán trưởng

Đới Thanh Hải  
Giám đốc

Tp. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2017